

Số: 22 /2009/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 25 tháng 09 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới phường Linh Trung, quận Thủ Đức, diện tích 55,45 ha

- P. KN₂

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
K	Số: 10368/09CM
D	Ngày: 21/10/2009

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam : QCVN 01: 2008/BXD, đã được Bộ Xây dựng ban hành tại Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008;
- Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 03/2008/TT-BXD ngày 31/03/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/07/2005 của Bộ xây dựng về ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ văn bản số 1335/BXD-KTQH ngày 08/07/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ văn bản số 11687/UBND-ĐTMT ngày 23/3/2009 của UBND thành phố về thực hiện Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy hoạch chung quận Thủ Đức đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5287/QĐUB-QLDT ngày 14/09/1999;
- Căn cứ Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung quận Thủ Đức đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4041/QĐND-UB ngày 20/09/2008;
- Căn cứ Quyết định số 12612/KTST.QH ngày 26/08/1998 của Kiến trúc sư trưởng thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới

C. Hải (P. TH) duyệt và ký ngày 06/10/09

phường Linh Trung, quận Thủ Đức;

- Căn cứ Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 04/08/2005 của UBND quận Thủ Đức về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới phường Linh Trung, quận Thủ Đức;

- Căn cứ văn bản số 1171/QHKT-QH ngày 07/05/2009 của Sở Quy Hoạch Kiến Trúc về ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch đồ án QHCT TL1/2000 Khu đô thị mới phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

Xét đề nghị của Phòng Quản Lý Đô Thị tại tờ trình số: 400 /TTr-QLĐT ngày 28 / 09 /2009 đề nghị xét duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị mới phường Linh Trung, quận Thủ Đức;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 2000 Khu đô thị mới phường Linh Trung, quận Thủ Đức với các nội dung chính, như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch: 55,45ha, theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 19/05/2005.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Đông : giáp nút giao thông Xa lộ Trường Sơn và Xa lộ Hà Nội.

+ Phía Tây : giáp Suối Cái và các cơ sở công nghiệp hiện hữu.

+ Phía Nam : giáp Xa lộ Hà Nội.

+ Phía Bắc : giáp Xa lộ Trường Sơn.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập đồ án điều chỉnh quy hoạch:

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cải thiện cảnh quan đô thị đối với khu vực tiếp giáp 2 tuyến giao thông cao tốc và nút giao thông cửa ngõ lối vào trung tâm thành phố đã xây dựng hoàn thành cơ bản và tuyến Metro Bến Thành – Suối Tiên đang được thành phố triển khai thực hiện.

3. Mục tiêu của đồ án điều chỉnh quy hoạch:

Xác lập lại cơ cấu phân bố sử dụng đất và bố trí phân khu chức năng trước đây đã được phê duyệt theo quyết định số 12612/KTST-QH ngày 26/08/1998 nhằm phát triển đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực đồng thời hình thành khu đô thị có đủ các chức năng hỗ trợ cho các cụm công nghiệp lân cận, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay và định hướng điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch-kiến trúc:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (há)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	36,40	65,64
1.	Đất ở	20,25	36,52
	+ Đất ở cao tầng – (xây dựng mới)	13,27	
	+ Đất ở thấp tầng – (hiện hữu)	6,98	
2.	Đất công trình công cộng	3,10	5,59
	+ Đất giáo dục (trường PTTH)	1,02	
	+ Đất văn hóa	2,08	
3.	Đất giao thông	9,32	16,8
4.	Đất công viên cây xanh tập trung - TDDT	3,73	6,73
B	Đất ngoài dân dụng	19,05	34,36
	+ Đất giao thông đối ngoại	8,93	
	+ Đất khác (bãi xe tang vật thành phố)	1,92	
	+ Đất công trình tôn giáo	0,13	
	+ Đất bến xe thành phố	8,07	
	Tổng cộng	55,45	100

* Lưu ý: Cơ cấu phân bổ sử dụng đất toàn khu phù hợp tiêu chuẩn đô thị. Lưu ý quỹ đất giao thông phục vụ các giải pháp giao thông tĩnh cho toàn khu đô thị xây dựng mới này (bãi xe công cộng, trạm xe buýt).

4.2. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu QHKT	Ghi chú	
1	Dân số dự kiến	người	11.000		
2	Mật độ xây dựng	%	30 - 40		
3	Tầng cao xây dựng	Tối đa	Tầng	18	
		Tối thiểu	Tầng	1	
4	Hệ số sử dụng đất		1,2 - 1,5		
5	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m ² /ng	33,09		
	+ Đất ở	m ² /ng	18,41		
	+ Đất công trình công cộng khu ở	m ² /ng	2,82		
	+ Đất công viên cây xanh & TDDT	m ² /ng	3,39		
	+ Đất giao thông	m ² /ng	8,47	Chỉ tính riêng đất giao thông đối nội	
6	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật				
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	L/người/ngày	200		
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	L/người/ngày	150 - 200		
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	KWh/người/năm	2.000 - 2.400		
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	Kg/người/ngày	1,2		

5. Bố cục phân khu chức năng:

5.1 - Đất dân dụng :

- Đất ở : phân bổ với diện tích gồm 20,25ha, bao gồm nhà ở thấp tầng, kể cả khu nhà ở hiện hữu cải tạo (chủ yếu nhà riêng lẻ) chiếm khoảng 6,98ha (33,04% đất ở) và khu nhà ở cao tầng chiếm khoảng 13,27ha (66,96% đất ở).

❖ Đối với nhà ở thấp tầng gồm nhà vườn, nhà liên kế vườn hiện hữu cải tạo, tầng cao đề nghị từ 1 - 5 tầng, khoảng lùi sân trước và mật độ xây dựng riêng cho từng lô đất áp dụng theo quy chuẩn xây dựng và quy định hiện hành. Lô đất nhà liên kế vườn bề ngang không dưới 5m.

* Đối với các loại nhà liên kế trên các trục đường dịch vụ - thương mại, động lực phát triển thì các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được xác định theo các quy định về quản lý kiến trúc đô thị hiện hành.

* Tại các khu dân cư được xác định là hiện hữu chính trang thực hiện theo các qui định quản lý kiến trúc của cấp thẩm quyền; các khu nhà ở thuộc dạng cư xá (nếu có), các nhóm, khu nhà ở thuộc các dự án đầu tư xây dựng nhóm, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc đề xuất điều chỉnh trên cơ sở lập quy chế quản lý kiến trúc cấp 2 được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

❖ Đối với nhà ở cao tầng: bố trí thành từng cụm nhà với không gian thoáng đẹp; mật độ xây dựng chiếm từ 30 - 35%, tầng cao tối đa khoảng 18 tầng, tổ chức xen cài các mảng vườn hoa, lối đi bộ, bãi đậu xe chung quanh khu nhà cao tầng thuận tiện và hợp lý.

- Đất công trình công cộng : phân bổ với diện tích gồm 3,1ha, trong đó :

* Đất dành cho giáo dục xây mới trường trường trung học phổ thông, với quy mô diện tích là 1,02 ha, mật độ xây dựng 25%, tầng cao xây dựng 3 tầng, tùy yêu cầu của dự án, có thể nâng lên tối đa 4 tầng.

* Đất dành cho khu Nhà văn hóa với quy mô diện tích là 2,08 ha, mật độ xây dựng tối đa 35%, tầng cao xây dựng 3 tầng, tùy yêu cầu của dự án, có thể nâng lên tối đa 4 tầng.

Đối với các khu chung cư cao tầng, tại tầng trệt cần bố trí khu vực sinh hoạt cộng đồng – dịch vụ công cộng, nhà giữ trẻ để phục vụ cho người dân trong khu vực.

- Đất công viên cây xanh tập trung – kết hợp thể dục thể thao ngoài trời: bố trí vườn hoa cây xanh kết hợp sân thể dục thể thao tập trung trên khu đất diện tích 3,73ha. Lưu ý không xây dựng tường rào bao quanh khu đất, các công trình xây dựng không vượt quá 5% diện tích với tầng cao 1 tầng và đảm bảo mỹ thuật hài hòa không gian.

5.2 - Đất ngoài dân dụng :

Bao gồm một phần diện tích nút giao thông xa lộ Hà Nội - đường vành đai (giao thông đôi ngoài), đất công trình tôn giáo hiện hữu và bãi xe tang vật của công an Thành phố, còn có bố trí bến xe thành phố. Diện tích đất ngoài dân dụng khoảng 19,05ha.

* Lưu ý: Tổ chức các cụm nhà ở cao tầng dọc theo các tuyến đường cao tốc (xa lộ Hà Nội và Xa lộ Trường Sơn). Về giao thông khu ở, bố trí đường gom dẫn ra đường song hành trực tiếp ra các đường cao tốc, cần đảm bảo các khoảng cách cũng như cách nút giao thông theo qui định chuyên ngành của Bộ Giao thông - Vận tải và Sở Giao thông - Vận tải.

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Bố trí dọc theo tuyến đường cao tốc (xa lộ Hà Nội và Xa lộ Trường Sơn) gồm các kiến trúc cao tầng (9-18 tầng). Các đơn nguyên nhà cao tầng ghép nối từ 6 đến 12 đơn nguyên thành một cụm nhà bao bọc quanh vườn hoa và sân chơi riêng cho từng cụm; nhà ở riêng lẻ thấp tầng (nhà xây dựng mới và nhà hiện hữu cải tạo) cùng các công trình công cộng bố trí bên trong, phía sau cụm nhà cao tầng tạo sự yên tĩnh và an toàn.

* Lưu ý: Tăng cường cây xanh gồm cây cao, tán rộng dọc tuyến đường song hành với đường cao tốc để tạo yên tĩnh và môi trường cho cụm nhà ở cao tầng.

6.2. Thiết kế đô thị :

+ Thể hiện cho từng đơn vị ở theo nguyên tắc phân bố mật độ xây dựng hợp lý, tập trung các công trình cao tầng trên tuyến đường chính, trực thương mại dịch vụ, cần lập qui chế quản lý kiến trúc cấp 2 phù hợp cho từng khu vực riêng biệt.

+ Tổ chức các công trình nhà cao tầng có kết hợp các hoạt động thương mại - dịch vụ để tạo cảnh quan sinh động cho các cụm chung cư, theo đó khối nhà cao tầng thiết kế đồng bộ với khối đế (dành cho các hoạt động thương mại - dịch vụ tại các tầng 1,2,3...).

+ Chú trọng công tác thiết kế đô thị dọc tuyến đường cao tốc và nút giao thông chính, cần thiết áp dụng các biện pháp cơ học để giảm thiểu tiếng ồn, khói bụi cho dãy nhà cao tầng nhưng vẫn đảm bảo mỹ quan trục đường.

+ Đối với các loại nhà liên kế trên các trục đường dịch vụ - thương mại, động lực phát triển thì các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được xác định theo các quy định về quản lý kiến trúc đô thị hiện hành.

+ Tại các khu dân cư được xác định là hiện hữu chính trang thực hiện theo các qui định quản lý kiến trúc đô thị của cấp thẩm quyền; các khu nhà ở thuộc dạng cư xá (nếu có), các nhóm, khu nhà ở thuộc các dự án đầu tư xây dựng nhóm, khu nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt thì thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc đề xuất điều chỉnh hoặc theo quy chế quản lý kiến trúc cấp 2 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Về khoảng lùi công trình so với ranh lộ giới (chi giới xây dựng), sẽ được xác định khi triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc các quy định về quản lý kiến trúc đô thị của cấp có thẩm quyền.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch giao thông:

BẢNG THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG

TT	Mặt cắt	Chiều dài	Lộ giới (m)	Chiều rộng đường (m)		
				Via hè	Lòng đường	Via hè
1.	Đường mặt cắt 1-1	420	24	3	5-2-4-2-5	3
2.	Đường mặt cắt 2-2	1.100	20	4,75	10,5	4,75
3.	Đường mặt cắt 3-3	1.450	16	4	8	4
4.	Đường mặt cắt 4-4 (Quốc lộ 1A – Xa lộ Trường Sơn)	1.500	120	3	12-28-34-28-12	3
5.	Đường mặt cắt 5-5 (Xa lộ Hà Nội)	1.500	113,5	5	10,5-27,5-41-14-10,5	5
6.	Đường mặt cắt 6-6 (đường nội bộ)	1.400	12	3	6	3

*Lưu ý:

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m thuộc quy hoạch hẻm, căn cứ theo quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố để xác định cụ thể. Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo.

- Bán kính cong tại các giao lộ và phần chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, dự án cụ thể.

- Vật góc tại các giao lộ cần thực hiện theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông.

- Về khoảng lùi công trình so với ranh lộ giới (chỉ giới xây dựng), sẽ được xác định khi triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc các quy định về quản lý kiến trúc đô thị của cấp có thẩm quyền.

- Quy hoạch bến xe liên tỉnh và bãi đậu xe theo Quy hoạch chung được duyệt.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

* Quy hoạch chiều cao (san nền):

+ Cao độ xây dựng chọn tối thiểu là +5,05m (hệ cao độ Hòn Dấu).

+ San ủi tại chỗ khi xây dựng công trình; hoàn thiện mặt phủ đồng thời với các giải pháp tiêu thoát nước mặt.

+ Hướng đồ dốc: theo địa hình tự nhiên, từ Đông Bắc về phía Tây Nam.

* Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Suối Cái được kè bờ và có chiều rộng B = 12m đến 13m (đoạn qua khu

quy hoạch).

+ Suối Gò Cát đoạn từ xa lộ Trường Sơn đến xa lộ Hà Nội dự kiến được thay thế bởi cống ngầm $\Phi 1500$ và cống hộp (2500x2500).

+ Suối Cái và suối Gò Cát (được cải tạo) là các trục tiếp nhận nước mặt chủ yếu.

+ Phân chia lại lưu vực thoát nước, xây dựng cống thoát cho các trục đường chưa có hệ thống thoát nước hoặc đường mở mới.

+ Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m, độ dốc cống lay tối thiểu là 1/D.

+ Chu kỳ tràn cống $T = 3$ năm đối với cống cấp 2, $T = 2$ năm đối với cống cấp 3, cấp 4.

7.3. Quy hoạch cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện: 2000 ÷ 2400 KWh/người/năm.

+ Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Thủ Đức Bắc.

+ Cải tạo các trạm biến áp 15-22/0,4KV hiện hữu, tháo dỡ các trạm biến áp có ngoài trời, công suất nhỏ, vị trí không còn phù hợp quy hoạch.

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng ≥ 400 KVA, loại trạm phòng, trạm đơn thân.

+ Cải tạo mạng trung thế 15KV hiện hữu, nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.

+ Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W – 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

+ Sử dụng nguồn nước máy TP dựa vào tuyến ống $\Phi 350$ hiện hữu trên Xa lộ Hà Nội thuộc hệ thống nhà máy nước Thủ Đức.

+ Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy 15 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy.

+ Phương án bố trí thiết kế mạng lưới cấp nước.

- Lưu ý: Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt (200 lít/người/ngày) và các chỉ tiêu cấp nước khác (công cộng, dịch vụ, tưới cây, rửa đường, , rò rỉ...) phù hợp (tối thiểu bằng 8% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt), từ đó xác định tổng nhu cầu dùng nước tương ứng.

7.5. Quy hoạch thoát nước bẩn, rác thải và vệ sinh môi trường :

a. Thoát nước bẩn:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, giai đoạn đầu nước thải tạm thoát vào hệ thống cống thoát nước mưa, giai đoạn dài hạn bơm về trạm xử lý nước thải M4 công suất 10.000 m³/ngày tại phường Trường Thọ xử lý đạt tiêu chuẩn cột A-TCVN-5945-1995.

+ Phương án bố trí mạng lưới thoát nước phù hợp giải pháp thoát nước và đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Lưu ý: Các chỉ tiêu thoát nước phù hợp với lượng nước cấp và xác định tổng lượng nước thải tương ứng.

b. Rác thải và vệ sinh môi trường:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.

+ Phương án xử lý rác: Rác thải được thu gom mỗi ngày và chuyển về khu xử lý rác Thành phố.

- Lưu ý: Tổng lượng rác thải (13,2 tấn/ngày) và điểm tập kết rác tại khu liên hiệp xử lý rác Tam Tân, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

7.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

8. Các điểm lưu ý quan trọng khác:

+ Phối hợp với đơn vị chủ quản dự án nút giao thông xa lộ Hà Nội-đường vành đai để quy hoạch xây dựng cảnh quan tại lối nút giao thông Trạm 2 do tồn tại công trình tôn giáo (theo hiện trạng), đảm bảo an toàn giao thông.

+ Hình thức quy cách thể hiện bản vẽ theo quyết định 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng.

+ Đối với các khu đất dọc các sông rạch, cần phải tuân thủ qui định về chi giới sông, rạch và không được xây dựng công trình kiến trúc theo quy định trong phạm vi này. Đối với hành lang bờ rạch cần tuân thủ theo quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Việc san lấp sông rạch trong khu vực lập quy hoạch (nếu có) cần có thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban nhân dân TP.

Điều 2.

1/. Giao phòng Tài nguyên Môi trường quận Thủ Đức phối hợp Phòng Quản lý Đô thị quận Thủ Đức và Ủy ban nhân dân phường Linh Trung tiến hành cắm mốc các tuyến hạ tầng kỹ thuật chính, mốc ranh các khu cây xanh tập trung, công trình công cộng trên bản đồ giải thửa hiện hành để quản lý; cụ thể hóa các mốc này trên thực địa khi triển khai dự án.

2/. Giao phòng Quản lý Đô thị phối hợp với các Sở – ngành thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, tổng hợp báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức các giải pháp quản lý, đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

3/. Giao Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình phối hợp các phòng chức năng của quận lập kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt

trên, trình Ủy ban nhân dân quận thông qua.

Điều 3. Trên cơ sở quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 được duyệt, Phòng Quản lý đô thị quận Thủ Đức và Ủy ban nhân dân phường Linh Trung chịu trách nhiệm công bố công khai quy hoạch tại Ủy ban nhân dân phường chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định này, đồng thời thông báo kịp thời cho nhân dân và các đơn vị kinh tế - xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch cùng các văn bản liên quan khác để thực hiện quản lý tốt việc sử dụng quỹ đất và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Theo Luật xây dựng, hiệu lực pháp lý của quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị mới phường Linh Trung, quận Thủ Đức diện tích 55,45 ha này có giá trị thực hiện kể từ ngày công bố rộng rãi ra nhân dân.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài Chính Kế hoạch và các phòng ban liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *ML*

- UBND Thành Phố (để báo cáo)
- Sở TN-MT.
- Sở QH - KT.
- Sở XD.
- Sở KH-ĐT
- Viện QH XD Thành Phố
- UBND Quận Thủ Đức
- Cty ACSA
- Lưu QH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC



Trương Văn Thống

